

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2023/HS-PT

Ngày: 07-3-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tỉnh

Các Thẩm phán: Ông Bùi Quang Sơn

Ông Nguyễn Thế Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trung Tín – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Ông Đặng Hữu Tài – Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 08/2023/TLPT-HS ngày 27 tháng 01 năm 2023 đối với bị cáo Đ.V.C do có kháng cáo của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 59/2022/HSST ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- *Bị cáo bị kháng cáo:* **Đ.V.C**, sinh năm 1991 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp TL, xã TT, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: lớp 10/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Đ.V.C, sinh năm 1969 và bà L.T.P, sinh năm 1967; vợ: Đ.T.K.L, sinh năm 1993; con: có 03 con, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 30/6/2021, đến ngày 29/10/2021 được hủy bỏ biện pháp tạm giam và áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh, đến ngày 26/8/2022 bị bắt tạm giam cho đến nay; có mặt.

- *Bị hại có kháng cáo:* Chị V.T.C.T, sinh năm 1986. Nơi cư trú: ấp TP, xã TT, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 10 phút, ngày 18/7/2020, Đ.V.C đến Quán nhậu Z của chị V.T.C.T ở ấp TP, xã TT, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Tại quán, giữa Đ.V.C và chị V.T.C.T xảy ra mâu thuẫn cự cãi dẫn đến xô xát đánh nhau. Đ.V.C dùng chân phải đá vào người chị V.T.C.T một cái, dùng tay phải bóp cổ chị V.T.C.T rồi đẩy chị V.T.C.T ra. Chị V.T.C.T lấy một cây gậy cao su ở phía sau nhà của chị V.T.C.T, dùng tay phải cầm gậy cao su đánh nhiều cái vào cánh tay trái của Đ.V.C, Đ.V.C dùng hai tay giật được cây gậy cao su và đánh vào vùng đầu của chị V.T.C.T nhiều cái. H.M.T (là người làm thuê cho chị V.T.C.T) can ngăn, H.M.T dùng ná cao su bắn bằng viên bi kim loại hình tròn trúng vào lưng của Đ.V.C. Đ.V.C ném cây gậy cao su xuống ao nước gần đó của chị V.T.C.T rồi lấy một lưỡi kéo bằng kim loại trong túi áo khoác Đ.V.C đang mặc đuổi theo H.M.T, H.M.T bỏ chạy. Đ.V.C quay lại nơi chị V.T.C.T đang đứng. Chị V.T.C.T vào nhà lấy 01 cây đèn pin có bắn ra tia lửa điện quay ra trước cổng rào của Quán nhậu 39 để đóng cổng rào nhưng không khóa. Đ.V.C đi phía sau chị V.T.C.T đến cổng rào dùng tay, chân kéo và đạp làm ngã cổng rào. Đ.V.C cầm lưỡi kéo đến vị trí của chị V.T.C.T. Lúc này, chị V.T.C.T và Đ.V.C đứng đối diện nhau, tay phải chị V.T.C.T cầm và bật đèn pin có bắn ra tia lửa điện chích vào người của Đ.V.C. Đ.V.C dùng chân phải đá trúng tay phải của chị V.T.C.T đang cầm đèn pin làm đèn pin văng vào vườn ổi phía trước Quán nhậu 39, Đ.V.C cầm lưỡi kéo bằng tay phải đâm nhiều cái trúng vào cẳng tay và bàn tay phải của chị V.T.C.T gây thương tích. Sau khi gây thương tích cho chị V.T.C.T, Đ.V.C bỏ về. Đến 18 giờ 20 phút cùng ngày, chị V.T.C.T đến Công an xã TT, huyện Giồng Trôm tố giác đối với Đ.V.C về hành vi gây thương tích cho chị V.T.C.T, xong chị V.T.C.T được người thân đưa đến Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu, tỉnh Bến Tre điều trị thương tích.

Hiện trường vụ án xảy ra tại phía trước cổng Quán nhậu 39 của chị V.T.C.T ở ấp Tân Phước, xã TT, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, hiện trường cụ thể tại phần lề lộ Giồng Trường tiếp giáp với hàng rào của Quán nhậu 39 về hướng nam, nơi Đ.V.C dùng lưỡi kéo gây thương tích cho chị V.T.C.T vào ngày 18/7/2020 cách lộ Giồng Trường 1,9m, cách cổng rào nhà chị V.T.C.T về hướng tây 9,3m.

Cơ quan điều tra tạm giữ đồ vật, tài sản gồm:

- Tạm giữ của bà Cao Thị Đo (mẹ ruột chị V.T.C.T): 01 đôi dép bằng nhựa màu trắng có chữ VDUWA (chiếc phải bị khuyết ở phần quai); 01 quần nữ bằng vải thun ngắn, màu xanh, quần có dính chất màu nâu. Bà Đo trình bày cái quần là của

chị V.T.C.T mặc lúc bị Đ.V.C gây thương tích, đôi dép là của Đ.V.C bỏ tại hiện trường, bà Do nhặt được và tự nguyện giao nộp.

- Tạm giữ của H.M.T: 01 cây gậy cao su màu đen dài 52cm, đường kính 03cm; 01 ná thun (cao su) dài 25cm, thân ná bằng gỗ dài 11cm, rộng 08cm; 03 viên bi bằng kim loại màu trắng bạc bị gỉ sét, có cùng đường kính 0,4cm (Tiến trình bày ná thun và 03 viên bi là của H.M.T, cây gậy cao su là của chị V.T.C.T do Đ.V.C ném xuống ao nước trong Quán nhậu 39, H.M.T tìm thấy và giao nộp cho Cơ quan điều tra).

- Tạm giữ của chị Đ.T.K.L (vợ Đ.V.C): 01 cái kéo có đặc điểm tương đồng với cái kéo chị Linh từng thấy Đ.V.C vịn ốc để lấy 02 lưỡi kéo ra sử dụng, cái kéo chị Linh giao nộp có đặc điểm như sau: 01 cái kéo bằng kim loại dài 24,5cm, có 02 lưỡi kéo bằng kim loại màu đen sắc, bẹn dài 14,5cm có ốc vịn nối 02 lưỡi kéo với nhau, nơi rộng nhất 03cm, nơi hẹp nhất là mũi kéo nhọn 01cm, phần cán kéo dài 10cm có bọc nhựa màu đen.

Cơ quan điều tra đã tổ chức truy tìm cây đèn pin có bắn ra tia lửa điện theo lời khai của chị V.T.C.T, kết quả không tìm thấy.

Theo Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 217-820/TgT ngày 20/8/2020 của Trung tâm Pháp y tỉnh Bến Tre kết luận về thương tích của V.T.C.T như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Vết thương mặt sau cẳng tay phải dài 10cm đứt cơ duỗi các ngón, bong một phần vỏ xương trụ, rách màng gian cốt đã lành sẹo, kích thước 10cm x 0,2cm: 02% (hai phần trăm).

- Vết thương mặt trước cẳng tay phải dài 15cm, đứt cơ gấp nông sâu các ngón, đứt gân gấp ngón II đứt động mạch gian cốt.

+ Hiện: vết thương lành sẹo, kích thước 10cm x 0,5cm: 02% (hai phần trăm); các ngón tay, bàn tay gấp – duỗi bình thường.

- Vết thương ngón I tay phải dài 03cm rách da đã lành sẹo, kích thước 05cm x 0,2cm: 01% (một phần trăm).

- Sưng nề đỉnh trái kích thước 02cm x 02cm đã hết, không còn để lại vết tích: 00% (không phần trăm).

Thương tích: “vết thương xuyên thấu cẳng tay phải; vết thương mặt sau cẳng tay phải dài 10cm đứt cơ duỗi các ngón, bong một phần vỏ xương trụ, rách màng gian cốt; vết thương mặt trước cẳng tay phải dài 15cm, đứt cơ gấp nông sâu các ngón, đứt gân gấp ngón II đứt động mạch gian cốt; vết thương ngón I khoảng 03cm rách da; sưng nề đỉnh trái khoảng 02cm x 02cm” được ghi nhận trong giấy chứng

nhận thương tích số 301/CN ngày 04/8/2020 của V.T.C.T do Bệnh viện Đa khoa Nguyễn Đình Chiểu, tỉnh Bến Tre cấp là do tác động ngoại lực gây ra; cơ chế hình thành vết thương là do vật sắc, nhọn gây ra, (sung nề đỉnh trái kích thước 02cm x 02cm đã hết, không còn để lại vết tích là do vật tày gây ra); chiều hướng: không xác định.

2. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là: 05% (năm phần trăm).

Sau khi được thông báo về nội dung Kết luận giám định nêu trên, chị V.T.C.T không đồng ý nội dung Kết luận giám định và viết đơn yêu cầu giám định lại tỷ lệ phần trăm thương tật.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 4571/C09B ngày 10/9/2020 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận về thương tích của V.T.C.T như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Sẹo mặt trước cẳng tay (P).
- Sẹo mặt sau cẳng tay (P).
- Sẹo ô mô cái góc ngón I.
- Bong một phần vỏ xương trụ, rách màng gian cốt.
- Đứt gân gấp nông, sâu các ngón, đứt gân gấp ngón II.
- Đứt động mạch gian cốt.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể của bà V.T.C.T:

Đối chiếu với Bảng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BYT, ngày 28/8/2019 của Bộ y tế, xác định tổn thương cơ thể của chị V.T.C.T như sau:

- Sẹo mặt trước cẳng tay (P): 02% (Chương 8, Mục I.2).
- Sẹo mặt sau cẳng tay (P): 02% (Chương 8, Mục I.2).
- Sẹo ô mô cái góc ngón I: 01% (Chương 8, Mục I.1).
- Mẻ xương trụ (P): 02% (Chương 7, Nguyên tắt chung: Phần I).
- Đứt động mạch gian cốt đã khâu nối, kết quả tốt không có biểu hiện thiếu máu nuôi dưỡng bên dưới: 04% (Chương 2, Mục II.3.1).

Áp dụng phương pháp xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể, xác định tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra tại thời điểm giám định của chị V.T.C.T là: 11%.

Do có sự mâu thuẫn giữa Kết luận giám định số 217-820/TgT ngày 20/8/2020 của Trung tâm Pháp y tỉnh Bến Tre là 05% và Kết luận giám định lại lần I số 4571/C09B ngày 10/9/2020 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh là 11% nên Cơ quan điều tra ban hành Quyết định trưng cầu giám định lại lần

II đối với thương tích của chị V.T.C.T.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích lần II số 160/20/TgT ngày 19/11/2020 của Phân viện Pháp y Quốc gia tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận về thương tích của chị V.T.C.T như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Sẹo kích thước lớn vùng mặt trước cẳng tay phải.
- Sẹo kích thước trung bình vùng mặt sau cẳng tay phải.
- Sẹo kích thước trung bình vùng bàn tay phải.
- Rách màng ngoài phần xương trụ đã điều trị hiện không còn dấu vết.
- Đứt động mạch gian cốt, đã điều trị hiện không có biểu hiện thiếu máu ở cẳng – bàn tay.

2. Kết luận:

Căn cứ Bảng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019, của Bộ y tế Quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định Pháp y, giám định Pháp y tâm thần, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân V.T.C.T là: 11% theo nguyên tắc cộng tại Thông tư.

Rách màng ngoài phần xương trụ đã điều trị hiện không còn dấu vết: Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019, của Bộ y tế không quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể.

Tại Công văn số 88/PY-GĐTH ngày 24/6/2021 của Trung tâm giám định pháp y tỉnh Bến Tre về việc giải thích kết luận giám định theo nội dung yêu cầu tại Công văn số 147/ĐCSHS ngày 23/6/2021 của Cơ quan CSĐT Công an huyện Giồng Trôm có nội dung như sau: nếu dùng 01 lưới kéo lấy ra từ cái kéo (có đặc điểm tương tự như cái kéo Cơ quan Cảnh sát điều tra tạm giữ của chị Đ.T.K.L cung cấp) để đâm thì có thể gây ra được thương tích của chị V.T.C.T.

Tại Kết luận giám định pháp y tâm thần số 531/KL-VPYTW ngày 24/9/2021 của Viện pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa đối với Đ.V.C có nội dung:

1. Kết luận:

- Về y học: trước, trong, sau khi gây án và hiện nay đang sự bị bệnh rối loạn loạn thần do sử dụng chất kích thích (F15.5 – ICD. 10).
- Về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: tại thời điểm gây án và hiện nay đang sự mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

2. Ý kiến khác: không.

Tại Bản kết luận giám định pháp y tâm thần sau thời gian điều trị bắt buộc số

491/KLBB-VPYTW ngày 16/8/2022 của Viện Pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa kết luận đối đối Đ.V.C như sau:

- Bị bệnh: rối loạn loạn thần do sử dụng chất kích thích (F15.5 – ICD. 10).
- Hiện tại bệnh đã ổn định, không cần thiết điều trị bắt buộc nữa. Đang sự có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi để làm việc với cơ quan pháp luật.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 59/2022/HS-ST ngày 21/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Đ.V.C phạm “Tội cố ý gây thương tích”. Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a khoản 1) Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 49; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đ.V.C 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/8/2022 nhưng được trừ vào thời gian bị cáo bị tạm giam trước đó là 04 (bốn) tháng 02 (hai) ngày và thời gian bị cáo bị áp dụng biện pháp chữa bệnh bắt buộc là 10 (mười) tháng, tổng thời gian bị cáo bị tạm giam và bắt buộc chữa bệnh là 14 (mười bốn) tháng 02 (hai) ngày. Thời hạn tù còn lại bị cáo phải chấp hành là 09 (chín) tháng 28 (hai mươi tám) ngày tù. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03/01/2023 bị hại V.T.C.T kháng cáo yêu cầu tăng nặng hình phạt tù đối với bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo không có kháng cáo, bị cáo thừa nhận thương tích của bị hại là do bị cáo đã gây ra. Bị hại giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: Đơn kháng cáo của bị hại làm trong hạn luật định. Về tội danh, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Đ.V.C phạm “Tội cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có cơ sở, đúng tội. Xét kháng cáo của bị hại, bị hại không cung cấp tình tiết tăng nặng mới, mức hình phạt 02 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt là tương xứng nên giữ nguyên và không chấp nhận kháng cáo của bị hại. Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a khoản 1) Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 49; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đ.V.C 02 năm tù về “Tội cố ý gây thương tích”. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo không tranh luận.

Bị hại không tranh luận.

Lời nói sau cùng, bị cáo xin lỗi bị hại, thấy hối hận nên yêu cầu xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị hại gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định. Vào chiều ngày 18/7/2020 bị cáo Đ.V.C đến Quán nhậu 39 của chị V.T.C.T ở ấp TP, xã TT, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Tại đây bị cáo và chị V.T.C.T xảy ra mâu thuẫn cự cãi dẫn đến xô xát đánh nhau, bị cáo đã dùng lưỡi kéo bằng kim loại sắc, bén của mình mang theo để gây ra những vết thương trên người của bị hại V.T.C.T với tỷ lệ thương cơ thể là 11%.

Bị cáo Đ.V.C là người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm, tuy vào thời điểm phạm tội bị cáo mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi do sử dụng chất kích thích gây ảo giác nên không thuộc trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự (Điều 13 Bộ luật Hình sự). Với ý thức, hành vi và hậu quả đã xảy ra, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Đ.V.C phạm “Tội cố ý gây thương tích” với tình tiết định khung tăng nặng “Dùng hung khí nguy hiểm” theo quy định tại điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có cơ sở, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị hại, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm khi áp dụng hình phạt tù đã xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng; về tình tiết giảm nhẹ: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại V.T.C.T cũng có một phần lỗi đối với bị cáo; bị cáo đang có con nhỏ; bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại không cung cấp thêm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo nên không có căn cứ để tăng hình phạt tù đối với bị cáo. Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo 02 năm tù là tương xứng. Vì vậy, không chấp nhận kháng cáo của bị hại theo như đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ.

[4] Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị hại, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Đ.V.C phạm “Tội cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a khoản 1) Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 49; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đ.V.C 02 (hai) năm tù nhưng được trừ vào thời gian bị cáo bị tạm giam trước đó là 04 (bốn) tháng 02 (hai) ngày và thời gian bị cáo bị áp dụng biện pháp chữa bệnh bắt buộc là 10 (mười) tháng, tổng cộng 14 (mười bốn) tháng 02 (hai) ngày. Thời hạn tù còn lại bị cáo phải chấp hành là 09 (chín) tháng 28 (hai mươi tám) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/8/2022.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm (3b);
- VKSND huyện Giồng Trôm (1b);
- Công an huyện Giồng Trôm (1b);
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm (1b);
- UBND xã TT, h. Giồng Trôm (1b);
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bến Tre + Bị cáo (2b);
- Bị hại (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Tỉnh